TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU Bản án số: 15/2024/HC-PT Ngày 19/11/2024 V/v: "Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại"	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ BỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Trọng Hải;

Các Thẩm phán: Ông Đặng Đức Hào;

Ông Phạm Trung Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 08/2024/TLPT-HC ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực giải quyết khiếu nại".

Do Bản án sơ thẩm số 02/2024/HC-ST ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 10 năm 2024, Thông báo dời ngày xét xử số 450/2024/TB-TA ngày 01 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ A, khu phố H, phường K, thành phố B (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường K, thành phố B.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Thành S – Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND phường: Ông Nguyễn Văn T1 – Phó Chủ tịch UBND phường (Theo Văn bản ủy quyền số 551/UBND –VP ngày 24/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường K, thành phố B). Địa chỉ: Tổ I, khu phố K, phường K, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:Ủy ban nhân dân phường Kim Dinh thành phố Bà Rịa; Địa chỉ: Tổ I, khu phố K, phường K, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Thành S – Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND phường: Ông Nguyễn Văn T1 – Phó Chủ tịch UBND phường (Theo Văn bản ủy quyền số 551/UBND –VP ngày 24/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường K, thành phố B). Địa chỉ: Tổ I, khu phố K, phường K, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Phạm Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, người khởi kiện bà Phạm Thị T trình bày:

Ngày 25/7/2021, bà T khiếu nại hành vi trái pháp luật của UBND phường K về việc gạch sổ mục kê đất đai mà không có lý do. Chủ tịch UBND phường K chưa tổ chức đối thoại với người khiếu nại theo quy định của Luật Khiếu nại nhưng đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 64/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 với nội dung không chấp nhận khiếu nại của bà Phạm Thị T. Bà T khởi kiện đề nghị Tòa án hủy Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 64/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của Chủ tịch UBND phường K.

Cơ sở chứng minh:

Điểm c Khoản 2 Điều 14 Luật khiếu nại, quy định nghĩa vụ của người giải quyết khiếu nại là: “Tổ chức đối thoại với người khiếu nại, người bị khiếu nại và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan".

Điều 17 Luật khiếu nại quy định: "Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn ... có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình, của người có trách nhiệm do mình quản lý trực tiếp.

Phó Chủ tịch UBND phường K có lập Biên bản đối thoại với người khiếu nại số 05/BB-UBND ngày 30/01/2024. Tuy nhiên Phó Chủ tịch UBND phường K không có quyền tổ chức đối thoại. Đề nghị Tòa án xem xét tính hợp pháp của biên bản đối thoại này.

[2] Theo văn bản ý kiến, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:

Bà T yêu cầu Tòa án hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 64/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của Chủ tịch UBND phường K, thành phố B về việc Chủ tịch UBND phường K không tổ chức đối thoại với người khiếu nại theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 14 của Luật khiếu nại nhưng lại ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 64/QĐ-UBND ngày 05/02/2024.

Về vấn đề này Chủ tịch UBND phường K, thành phố B đã có ủy quyền cho Phó Chủ tịch tổ chức đối thoại với bà T và ban hành Quyết định

giải quyết khiếu nại. Việc ủy quyền tại Quyết định số 352/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của Chủ tịch UBND phường K giao nhiệm vụ cho Phó chủ tịch xác minh và đối thoại. Theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 28 Nghị định 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật khiếu nại. Do đó đề nghị Tòa không chấp nhận đơn khởi kiện của bà T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2024/HC-ST ngày 08/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 31, 157, 158, 193 Luật tố tụng hành chính; Luật khiếu nại; Luật tổ chức chính quyền địa phương

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T về việc "Khởi kiện quyết định hành chính" đối với quyết định giải quyết khiếu nại số 64/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của Chủ tịch UBND phường K, thành phố B.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, người khởi kiện bà Phạm Thị T có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2024/HC-ST ngày 08/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện hoặc hủy bản án hành chính sơ thẩm và giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm để xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện có đơn xin xét xử vắng mặt và có trình bày quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo; người khởi kiện không bổ sung tài liệu chứng cứ gì mới.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

Áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính: Bác kháng cáo và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Án phí hành chính phúc thẩm: Người khởi kiện bà T được miễn nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các qui định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thời hạn và thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Phạm Thị T nộp trong thời hạn luật định, đảm bảo về nội dung kháng cáo theo quy định tại Điều 205, 206 Luật tố tụng hành chính và người kháng cáo được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự: Do người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về đối tượng khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 64/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 (sau đây gọi tắt là QĐGQKN số 64) của Chủ tịch UBND phường K: Đây là vụ án về "Khiếu kiện quyết định hành chính của Uỷ ban nhân dân xã" theo khoản 1 Điều 30 của Luật Tố tụng hành chính. Thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo các điều 30, 31 Luật Tố tụng hành chính. Toà án cấp sơ thẩm thụ lý là đúng quy định pháp luật.

[3]. Về nội dung kháng cáo:

Tại đơn kháng cáo đề ngày 14/8/2024 Bà T cho rằng căn cứ vào điểm c, khoản 2, Điều 14 Luật khiếu nại; điểm a, b khoản 1 Điều 28 Nghị định 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 thì tất cả trường hợp giải quyết khiếu nại lần đầu người giải quyết khiếu nại phải trực tiếp tổ chức đối thoại mà không được giao quyền tổ chức đối thoại cho bất kỳ ai.

Bà Phạm Thị T yêu cầu hủy QĐGQKN số 64 vì cho rằng UBND phường không tổ chức đối thoại theo quy định mà đã ban hành QĐGQKC số 64 là không đúng quy định của Luật khiếu nại. Việc Chủ tịch UBND phường K phân công Phó Chủ tịch UBND phường K tiến hành xác minh nội dung đơn khiếu nại và tổ chức đối thoại với bà T là không đúng thẩm quyền. Do vậy, biên bản đối thoại số 05/BB-UBND ngày 30/01/2024 không có giá trị để Chủ tịch UBND phường K làm căn cứ ban hành QĐGQKN số 64 theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 14 của Luật khiếu nại.

[3.1]. Xét về kháng cáo của bà Phạm Thị T

[3.1.1]. Về thẩm quyền và trình tự thủ tục ban hành Quyết định hành chính bị khiếu kiện Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 64/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 (sau đây gọi tắt là QĐGQKN số 64) của Chủ tịch UBND phường K bị khiếu kiện:

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương và Nghị định 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 thì Quyết định về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị T ngày 05/02/2024 của Chủ tịch UBND phường K được ban hành đúng thẩm quyền và trình tự thủ tục.

[3.1.2]. Về nội dung và căn cứ pháp lý của đối tượng bị khiếu kiện:

Xét thấy, ngày 25/7/2021 bà Phạm Thị T có đơn khiếu nại đối với QĐGQKN số 64 của Chủ tịch UBND phường K là thuộc trường hợp khiếu nại lần đầu theo quy định tại Điều 17 Luật khiếu nại.

Tại Mục 2 Chương 3 Luật khiếu nại quy định rõ về trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu, tại Điều 29, 30, 31 thì người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại

lần đầu có trách nhiệm xác minh nội dung khiếu nại, tổ chức đối thoại trong thời hạn giải quyết khiếu nại, ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu. Điều 30 Luật khiếu nại quy định "Trong quá trình giải quyết khiếu nại lần đầu, nếu yêu cầu của người khiếu nại và kết quả xác minh nội dung khiếu nại còn khác nhau thì người giải quyết khiếu nại tổ chức đối thoại với người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để làm rõ nội dung khiếu nại, yêu cầu của người khiếu nại và hướng giải quyết khiếu nại".

Như vậy, việc tổ chức đối thoại được thực hiện khi yêu cầu của người khiếu nại và kết quả xác minh nội dung khiếu nại còn khác nhau. Mục đích của việc tổ chức đối thoại là để làm rõ nội dung khiếu nại, yêu cầu của người khiếu nại và hướng giải quyết khiếu nại.

Căn cứ Điều 14 Luật khiếu nại, Điều 28 Nghị định 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020, Điều 14, Điều 35, 36 Luật tổ chức chính quyền địa phương quy định chức năng nhiệm vụ của Chủ tịch UBND phường và việc ủy quyền cho cơ quan hành chính nhà nước tại địa phương thì Chủ tịch UBND phường có quyền ủy quyền cho cấp phó thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình trong phạm vi thẩm quyền.

Tại Điều 61, 36 Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tích Uỷ ban nhân dân phường của Luật tổ chức chính quyền địa phường quy định:

Khoản 1: Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn quy định tại Điều 36

Tại điểm 4: Giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật, tiếp công dân theo quy định của pháp luật;

Tại điểm 5: Uỷ quyền cho Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T nhiệm vụ, quyền hạn trong phạm vi thẩm quyền của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân;

Căn cứ vào các quy định trên thì việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường K Uỷ quyền tại Quyết định số 352/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 cho ông Nguyễn Văn T1 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường K thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch để tổ chức đối thoại là đúng quy định của pháp luật.

[3.1.3]. Tại đơn kháng cáo đề ngày 14/8/2024 Bà T cho rằng căn cứ vào điểm c, khoản 2, Điều 14 Luật khiếu nại; điểm a, b khoản 1 Điều 28 Nghị định 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 thì tất cả trường hợp giải quyết khiếu nại lần đầu người giải quyết khiếu nại phải trực tiếp tổ chức đối thoại mà không được giao quyền tổ chức đối thoại cho bất kỳ ai. Tuy nhiên khoản 1 Điều 28 Nghị định 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định:

Điều 28. Tổ chức đối thoại trong quá trình giải quyết khiếu nại lần hai

1. Trong quá trình giải quyết khiếu nại lần hai, người giải quyết khiếu nại phải tổ chức đối thoại.

a) Người giải quyết khiếu nại lần hai là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Giám đốc sở hoặc tương đương phải trực tiếp đối thoại với người khiếu nại.

b) Người giải quyết khiếu nại lần hai là Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải trực tiếp đối thoại trong trường hợp khiếu nại phức tạp (có nhiều người cùng khiếu nại về một nội dung, có nhiều ý kiến khác nhau của các cơ quan có thẩm quyền về biện pháp giải quyết, người khiếu nại có thái độ gay gắt, dư luận xã hội quan tâm, vụ việc ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội).

Đối với các trường hợp khác, người giải quyết khiếu nại có thể phân công cấp phó của mình hoặc thủ trưởng cơ quan chuyên môn cùng cấp hoặc thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc được giao nhiệm vụ xác minh đối thoại với người khiếu nại. Trong quá trình đối thoại, người được phân công phải kịp thời báo cáo với người giải quyết khiếu nại về những nội dung phức tạp, vượt quá thẩm quyền; kết thúc đối thoại phải báo cáo với người giải quyết khiếu nại về kết quả đối thoại và chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo.

Như đã viện dẫn " Đối với các trường hợp khác, người giải quyết khiếu nại có thể phân công cấp phó của mình hoặc thủ trưởng cơ quan chuyên môn cùng cấp hoặc thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc được giao nhiệm vụ xác minh đối thoại với người khiếu nại"

Đối với vụ án khiếu nại của bà không thuộc thường hợp "đối thoại trong trường hợp khiếu nại phức tạp (có nhiều người cùng khiếu nại về một nội dung, có nhiều ý kiến khác nhau của các cơ quan có thẩm quyền về biện pháp giải quyết,…..)."

Như vậy QĐGQKN số 64 được ban hành đảm bảo các nội dung theo quy định tại Điều 31 Luật khiếu nại.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy việc thụ lý đơn khiếu nại và tiến hành xác minh, đối thoại và ban hành quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND phường K đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[3.1.4]. Về nội dung Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 64/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của Chủ tịch UBND phường K:

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại cấp tòa án sơ thẩm ngày 30/7/2024, bà Phạm Thị T nêu rõ đề nghị Tòa án hủy QĐGQKN số 64. Lý do: Người giải quyết khiếu nại chưa có tổ chức đối thoại nhưng đã ban hành QĐGQKN lần đầu là vi phạm

nghiêm trọng thủ tục giải quyết khiếu nại. Như vậy, phải hủy quyết định này để giải quyết lại mà không cần xem xét đến nội dung của Quyết định này. Theo đơn khởi kiện, trong suốt quá trình đối thoại theo thể hiện tại biên bản đối thoại ngày 07/5/2024, ngày 22/7/2024 và các văn bản, trình bày của bà T nộp tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà T không đề cập đến việc khiếu nại nội dung của quyết định, chỉ khiếu nại liên quan đến trình tự, thủ tục ban hành quyết định giải quyết khiếu nại. Như vậy có thể thấy bà T không có ý kiến gì về nội dung QĐGQKN số 64.

Từ những căn cứ và nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy QĐGQKN số 64 đã ban hành theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Từ đó cấp sơ thẩm không có căn cứ hủy QĐGQKN số 64 của Chủ tịch UBND phường K là đúng pháp luật. Vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T.

[3.1.5]. Về yêu cầu hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại:

Tại đơn kháng cáo đề ngày 14/8/2024 bà T cho rằng căn cứ vào điểm c, khoản 2, Điều 14 Luật khiếu nại; điểm a, b khoản 1 Điều 28 Nghị định 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 thì tất cả trường hợp giải quyết khiếu nại lần đầu người giải quyết khiếu nại phải trực tiếp tổ chức đối thoại mà không được giao quyền tổ chức đối thoại cho bất kỳ ai. Tuy nhiên Bản án sơ thẩm lại căn cứ vào Luật tổ chức chính quyền địa phương và Nghị định 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 để nhận định Chủ tịch UBND phường được ủy quyền cho Phó Chủ tịch để tổ chức đối thoại là Hội đồng xét xử sơ thẩm đã nhận định và áp dụng không đúng pháp luật. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hoặc hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm để xét xử lại.

Như đã nhận định ở trên, QĐGQKN số 64 đã được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã nhận định và áp dụng đúng quy định pháp luật. Căn cứ khoản 3, Điều 241 Luật tố tụng hành chính quy định về thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm: Hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại trong trường hợp có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng hoặc phải thu thập chứng cứ mới quan trọng mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể bổ sung ngay được. Trong trường hợp này, Tòa án cấp sơ thẩm không vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng; Tòa án cấp phúc thẩm thấy cũng không cần phải thu thập chứng cứ mới quan trọng, do vậy không có cơ sở để hủy bản án sơ

thẩm và giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm để xét xử lại. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T.

[4]. Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí:

Án phí hành chính sơ thẩm: Do đơn khởi kiện của bà T không được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Luật tố tụng hành chính. Tại thời điểm xét xử, bà T là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí là đúng theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm bị kháng cáo nên bà T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 349 Luật tố tụng hành chính. Tại thời điểm xét xử, bà T là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí là đúng theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; Điều 205, 206, khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Căn cứ Điều 14, Điều 17, Điều 31 Luật khiếu nại năm 2011, Điều 28 Nghị định 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020, Điều 14, Điều 35, 36 Luật tổ chức chính quyền địa phương;

Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo của bà Phạm Thị T, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2024/HC-ST ngày 08/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T về việc "Khởi kiện quyết định hành chính" đối với quyết định giải quyết khiếu nại số 64/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của Chủ tịch UBND phường K, thành phố B.

2. Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí phúc thẩm: Bà Phạm Thị T được miễn án phí.

4. Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực kể ngày tuyên án (ngày 19/11/2024).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND Tp. Bà Rịa;
- VKSND Tp. Bà Rịa;
- Chi cục THADS Tp. Bà Rịa;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Trọng Hải